

Số: /KH-UBND
“Dự thảo”

Chiềng Đông, ngày 14 tháng 11 năm 2014

KẾ HOẠCH

Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2014 – 2019

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 5, thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, có hiệu lực thực hiện từ ngày 01 tháng 5 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số: 1002/QĐ-TTg, ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009 – 2020;

Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai hiệu quả, nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của xã nhà. Ủy ban nhân dân xã Chiềng Đông xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2014 – 2019 với các nội dung trọng tâm sau:

A. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Nhằm tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức về phòng, chống thiên tai và tác động của nó đến an toàn tính mạng và tài sản của Nhà nước và người dân trong xã.

2. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn xã trong công tác phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn theo quy định của Pháp luật.

3. Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Đồng thời khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai.

4. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ).

5. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó với thiên tai có hiệu quả.

6. Nâng cao nhận thức cộng đồng trong “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, chống thiên tai của toàn dân trên địa bàn xã.

7. Cung cấp thông tin cho việc lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

B. NỘI DUNG CỦA “KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI”.

I . Giới thiệu tình hình chung và những thông tin cơ bản trong xã:

1. Đặc điểm địa lý:

Xã Chiềng Đông nằm ở Tọa độ: [21°06'30"B 104°12'55"E](#); có tổng diện tích tự nhiên 7.244 ha. Xã giáp với 6 xã bạn, đó là: Phía bắc giáp với xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên; Phía Nam giáp với xã Chiềng Sàng; Phía Đông giáp với xã Sấp Vạt, Chiềng Păn; Phía Tây giáp với xã Cò Nòi, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn. Có đường Quốc lộ 6 chạy qua, cách trung tâm huyện 13,0 km, chiều dài trung bình 16,45km, chiều rộng trung bình khoảng 22,67 km nằm ở trung du miền núi phía Bắc, độ cao trung bình 900-1008 m so với mực nước biển, địa hình chủ yếu là thung lũng, đồi núi đá cao đi lại khó khăn.

2. Tình hình dân số: Toàn xã hiện có 1.769 hộ với 7.949 nhân khẩu. Trong đó: Nam giới có 4.064 người, chiếm 51,12%. Nữ giới có 3.885 người, chiếm 48,87%. Trẻ em dưới 18 tuổi có 2.005 người chiếm 25,2%. Thanh niên và trung niên (có độ tuổi từ 18-60) có 5.389 người(Nam 2.394, nữ 2.995) chiếm 67,8%; Phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi có 167 người chiếm 2,1%. Người già có 555 người (nam 222, nữ 333) chiếm 7,0% . Người khuyết tật có 43 người chiếm 0,54%. Người bị bệnh hiểm nghèo có 14 người chiếm 0,18%.

3. Việc sử dụng đất, nước, rừng (tài nguyên thiên nhiên):

Với tổng diện tích tự nhiên là 7.244 ha, việc sử dụng đất của xã nhằm phục vụ cho mục đích: đất ở, đất sản xuất nông nghiệp. Cụ thể: Đất thổ cư: 41,73 ha; Đất nông nghiệp 2.145,23 ha; (Trong đó: *đất lúa nước* 163 ha, *Đất trồng cây hàng năm* 1.883,55 ha, *Đất trồng cây lâu năm* 79,55 ha, *Đất nuôi trồng thủy sản* 19,13 ha); Đất rừng 3.754,3 ha; Đất phi nông nghiệp 203,11 ha; Đất Khác 1.100,16ha.

4. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh:

Ngành nghề của người dân xã Chiềng Đông chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, chỉ có một tỷ lệ nhỏ là hộ buôn bán, kinh doanh dịch vụ.

Sản lượng nông nghiệp đạt: 6.820,0 tấn; Sản lượng bình quân đạt 72,1 kg/người/năm.

Trong đó:

- Cây lương thực : Lúa xuân diện tích gieo cấy 83,1ha, năng suất bình quân 67,9 tạ/ha, sản lượng 564,3 tấn. Lúa mùa diện tích gieo cấy 163,2ha, năng suất bình quân đạt 58,4 tạ/ha, sản lượng 953,8 tấn. Ngô diện tích gieo trồng 812,9 ha, năng suất bình quân đạt 58,5 tạ/ha, sản lượng 4.755,8 tấn.

- Các loại cây trồng khác: Lạc 5,0 ha, năng suất đạt 15 tạ/ha, sản lượng đạt 7,5 tấn; Sắn 02 ha; Diện tích trồng rau các loại 83,0 ha; cây ăn quả các loại 115,0 ha;

- Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc: 10.862 con, gia cầm hiện có: 54.420 con.

5. Cơ sở hạ tầng:

- Công trình thủy lợi: có 4 phai đập kiên cố, có 46,8 km kênh mương, đã kiên cố được 18,4 m đạt 39,31 %.

- Trường lớp học: có 05 trường (Mầm non 02 trường, Tiểu học 02 trường, Trung học cơ sở 01 trường), trong đó có trường Tiểu học Chiềng Đông B công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

- Đường giao thông gồm: 35,9 km, chủ yếu là đường đất chưa được bê tông hóa.

- Hệ thống lưới điện dân dụng có 05 trạm biến áp, với 21,0 km đường dây điện.

- Xã có 04 trạm phát thanh, có 08 loa phóng thanh tại 04 bản

6. Nhà ở: Toàn xã hiện có 1.769 ngôi nhà. Trong đó: Nhà kiên cố: 195 nhà; nhà bán kiên cố: 1.500 nhà, Nhà ven suối: 34 nhà, nhà ven núi, sườn đồi 30 nhà.

7. Nước sạch, vệ sinh và môi trường:

- Xã có 04 công trình nước sạch, có 637 hộ được sử dụng ~36,0 % . Có 133 giếng nước.

- Người dân chưa có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, chưa biết cách thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, các bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng còn vứt rác bừa bãi; chưa có công trình hố rác tập trung tại các bản.

8. Y tế: Có 01 trạm y tế, gồm 01 Bác sỹ, 02 Y sỹ, 02 y tá, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng, trạm y tế xã chưa đạt chuẩn quốc gia, là nơi người dân tin tưởng đến khám và điều trị bệnh ban đầu.

9. Công tác phòng, chống thiên tai

Đảng uỷ, HĐND, UBND xã đã xác định công tác PCTT là một trong những công tác trọng tâm hàng đầu trong mùa mưa lũ. Vì vậy hàng năm, xã đã xây dựng kế hoạch và phương án PCTT tìm kiếm cứu nạn với phương châm “chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục nhanh chóng và hiệu quả ” nhằm giảm tới mức thấp nhất về người, tài sản, môi trường do thiên tai gây ra, chính quyền xã đã tích cực chủ động trong công tác tuyên truyền đến người dân trong xã thông qua các buổi họp thôn.

Xã đã thành lập ban chỉ huy PCTT gồm 38 người, trong đó: có 6 nữ; đội xung kích xã với số lượng 15 người; lực lượng cứu hộ cứu nạn 155 người, lực

lượng dự bị động viên gồm 186 người; lực lượng dân quân 112 người, tại 14 /14 bản.

Sau mỗi lần thiên tai, Ban chỉ huy thực hiện nghiêm túc việc đánh giá thiệt hại, đánh giá nhu cầu và rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác PCTT, đồng thời có biện pháp khắc phục, báo cáo cấp trên kịp thời theo quy định.

II. Tổng hợp phân tích tình hình.

1. Thông tin đánh giá về thiên tai ở địa phương

*** Nhận xét chung:**

Là một xã trung du miền núi, có dòng suối Vạt và suối Hịt chảy qua, lại có nhiều khe lạch chảy về, vì vậy hàng năm vào mùa mưa bão thường bị mưa, lũ quét kèm theo sạt lở đất, gây thiệt hại lớn đến tài sản, hoa màu của nhân dân và của Nhà nước, ảnh hưởng rất lớn đến tốc độ tăng trưởng phát triển kinh tế của địa phương.

*** Các thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn xã:**

1. Lũ quét: Xu hướng mưa to kéo dài, lũ trên thượng nguồn đổ về nhanh cục bộ, mạnh, thất thường, càng ngày càng nhiều hơn.

Tháng 4/2003, xảy ra lũ quét Khe suối cạn bản Nặm Ún đã làm 4 người chết (03 nam, 01 nữ), vùi lấp 20 ha ngô mới trồng, 20 ha ao cá bị vùi lấp, 01 con trâu bị chết. Nguyên nhân do người dân chủ quan, phá rừng đầu nguồn. Người dân ngủ ở khe suối cạn. Lũ đến bất ngờ dẫn đến thiệt hại về người và tài sản, ao cá ở vùng thấp. UBND xã đã huy động lực lượng tìm kiếm người bị nạn. Quyên góp ủng hộ các gia đình bị nạn. Tăng cường tuyên truyền đến người dân về PCTT.

- Năm 2008, lũ quét mưa lớn cục bộ kéo dài, tại địa bàn xã khu vực ven suối Vạt, suối Hịt đã bị cuốn trôi, vùi lấp thiệt hại 35 ha lúa mùa, 27 ha ngô, 8 ha ao cá, 05 con trâu và 05 nhà dân. Bị thương 02 người dân = 02 nữ tại Bản Cung Giao Thông và Na Pản do bị sạt lở đất.

2. Sạt lở đất: Do điều kiện về địa hình đồi dốc, một số hộ dân trong bản thường làm nhà ở sát chân dốc, vì vậy khi mưa to kéo dài nhiều ngày dẫn đến gây sạt lở đất. Sạt lở đất thường xảy ra nhanh, cục bộ khó dự đoán.

Tháng 9/2008, cơn bão số 6 làm sạt lở đất tại bản Huổi Pù, Bản Luông Mé, gây thiệt hại: 02 hộ gia đình phải di dời nhà ở, ước tính thiệt hại khoảng 120 triệu đồng.

3. Lốc xoáy: Thường xảy ra nhanh, do thay đổi mùa, cục bộ, bất ngờ, khó dự đoán, trong những năm gần đây lốc xoáy thường xảy ra nhiều hơn.

- Năm 2010, lốc xoáy bất ngờ cường độ mạnh tại bản Púng Khoai đã làm tốc mái 20 ngôi nhà và 25 ha ngô bị đổ gãy làm giảm năng 30%, thu nhập thấp dẫn đến đói nghèo. Do người dân thiếu kiến thức phòng chống thiên tai, chủ quan. Ban quản lý thôn bản đã báo cáo lên UBND xã đề nghị hỗ trợ, UBND xã

đã báo cáo UBND huyện và vận động nhân dân quyên góp ủng hộ giúp đỡ, ước tính giá trị thiệt hại khoảng **200** triệu đồng.

4. Rét hại: Xu hướng càng ngày, càng nhiều, nhiệt độ xuống thấp hơn, độ ẩm thấp, đôi khi kèm sương muối, có những trận rét kéo dài hơn **01** tháng xuống đến 3°C .

- Cuối năm 2008 rét đậm, rét hại nhiệt độ thấp kéo dài hơn **01** tháng, kèm theo sương muối, toàn xã có **1.800** người già và trẻ em bị ảnh hưởng sức khỏe, học sinh nghỉ học 2 tuần; làm ảnh hưởng đến gia súc, gia cầm, làm chết **32** con trâu, **22** con bò, **60** con dê, **92** con lợn và **1.032** con gia cầm, **25** ha diện tích mạ bị chết. **83,1** ha lúa bị chết, **02** tấn cá các loại bị chết rét và thiệt hại **0,5** ha hoa màu. Môi Trường bị ô nhiễm, nguồn nước sạch bị ảnh hưởng. Do người dân thiếu kiến thức về kỹ thuật chăn nuôi. Chuồng trại chưa đảm bảo che chắn kịp thời. Một số hộ dân kinh tế còn khó khăn, chưa có điều kiện giữ ấm cho người và gia súc. Một số hộ còn thả rông gia súc, gia cầm. Do vậy cần tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân. Tập trung chăm sóc người già và trẻ em khi có các đợt rét xảy ra, xây dựng chuồng trại chăn nuôi đảm bảo. Sử dụng giống mới trong sản xuất nông nghiệp có tính năng chịu rét cao. Không thả rông gia súc, gia cầm.

5. Mưa đá: Tháng 6 năm 2007, mưa đá xảy ra bất ngờ tại Bản Kéo Bó, Púng Khoai, Luông Mé, Bản Hượn đã làm tốc mái **20** ngôi nhà, **15** ha hoa màu và diện tích ngô bị dập nát và mất mùa, đường giao thông bị hư hỏng. Ban chỉ huy PCLB xã đã huy động, quyên góp ủng hộ các gia đình bị hư hỏng **35** hộ = **35.700.000** đ, cần tăng cường tuyên truyền đến người dân về phòng chống thiên tai.

2. Thông tin đánh giá về tình trạng dễ bị tổn thương (TTDBTT)

2.1. Nhận xét chung:

Với tổng dân số **7.949** nhân khẩu, trong đó Người già có **555** người, Trẻ em có **2005** người. Phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi có **167** người, người khuyết tật có **43** người, người bị bệnh hiểm nghèo có **14** người. Đa số các hộ dân làm nhà bán kiên cố, **835** nhà ven suối, **71** nhà ở ven núi. Với những đặc điểm về vị trí địa lý, địa hình đồi núi dốc, cùng với những diễn biến ngày càng phức tạp của thiên tai đã ảnh hưởng đến đời sống người dân trong xã, kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp thuần túy, ít ngành nghề phụ, bên cạnh đó do nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân còn hạn chế, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên trên địa bàn toàn xã, tình trạng dễ bị tổn thương còn nhiều.

2.2. Tình trạng dễ bị tổn thương toàn xã:

2.2.1 An toàn cộng đồng

***Vật chất:**

- Có 835 hộ dân sống ven đồi dốc, ven suối, nhà ở chủ yếu là nhà sàn bán kiên cố (420 hộ), thiếu trang thiết bị ứng cứu khi có thiên tai xảy ra.

- Trụ sở UBND, Trạm y tế chưa kiên cố, xuống cấp; 02 bản chưa có Nhà văn hóa, hệ thống loa truyền thanh từ xã đến các bản để dự báo, cảnh báo, tuyên truyền chưa có và chưa được phủ sóng truyền thanh, truyền hình của huyện Yên Châu.

- Hệ thống đường GTNT tuy đã có nhưng chủ yếu là đường đất (**100%**) đi lại khó khăn, chưa được bê tông hoá, còn nhiều đoạn đường xuống cấp, do mưa lũ xói mòn, sạt lở dễ bị chia cắt khi có thiên tai xảy ra, chưa có biển cảnh báo ở những vùng có nguy cơ cao; **8** km đường giao thông đi lại khó khăn từ trung tâm xã lên Bản Huổi Siêu; **27** km từ trung tâm lên bản Kéo Bó, Púng Khoai.

- Hệ thống mương phai thủy lợi bị xuống cấp, ao cá ở vùng trũng, vùng ven suối, **4** bản Đông Tấu, Na Pản, Luông Mé, Nặm Ún thường xuyên bị lũ quét, thiếu trang thiết bị ứng cứu, 03 cầu đi liên bản bị xuống cấp nghiêm trọng.

- **60** ha lúa, **280** ha ngô nằm ở ven suối, thung lũng; ao cá ở vùng trũng, ven suối. **85%** chuồng trại chưa kiên cố; **100%** chưa có hố rác tập trung, **01** bản chưa có điện lưới quốc gia.

- **70%** hộ dùng dụng cụ thô sơ để sản xuất; **70%** gia súc, gia cầm còn thả rông; **80%** chưa có nhà tiêu hợp vệ sinh; **5%** hộ chưa có phương tiện đi lại; **10%** hộ chưa có phương tiện nghe nhìn; **30%** hộ chưa có nước tự chảy.

- **105%** chưa có thẻ BHYT; **2.005** người già và trẻ em;

* **Tổ chức xã hội.**

Do thiếu hệ thống loa truyền thanh nên việc tuyên truyền chưa sâu sát đến tận các bản. Các ban ngành đoàn thể của xã, BCH PCTT, cứu nạn đã có phương án PCTT, tuy nhiên chưa được trang bị kiến thức về phòng chống thiên tai và sơ cấp cứu ban đầu, thiếu trang thiết bị PCTT, tìm kiếm cứu nạn như nhà bạt, áo phao, phao cứu sinh, đặc biệt lực lượng làm công tác PCTT chưa được tổ chức diễn tập công tác về công tác cứu hộ, cứu nạn hàng năm do thiếu nguồn kinh phí. Việc tham gia của phụ nữ vào công tác PCTT còn hạn chế, tỷ lệ nữ trong các tổ chức, ban chỉ huy PCTT còn ít (*Ban chỉ huy PCTT với số người là 22 người, trong đó có 9 nữ chiếm 40,9%*) ;

Chưa có đội xung kích từ xã đến bản, thiếu kiến thức PCTT; chưa được tập huấn, chưa tuyên truyền tốt việc chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường, công tác tuyên truyền còn hạn chế, sự phối hợp giữa các ban, ngành đoàn thể chưa đồng bộ. Trạm y tế xã chưa có đủ Bác sỹ; trình độ chuyên môn y tế bản còn thấp.

Chưa tổ chức vùng sản xuất chuyên canh tập trung, chưa áp dụng KHKT vào sản xuất, thiếu trang thiết bị, thiếu vốn, chưa bố trí sản xuất thu mua đầu ra cho SP để tăng thu nhập cho người dân.

* **Thái độ động cơ:**

Một số người dân sống ở ven đồi núi cao, suối, vùng có nguy cơ cao còn chủ quan, chưa chủ động trong công tác phòng tránh thiên tai; chưa có ý thức cao trong khám chữa bệnh định kỳ; còn sử dụng thuốc trừ cỏ bừa bãi, vứt rác

bừa bãi; thiếu kiến thức KHKT trong sản xuất chăn nuôi, chưa có nghề phụ khi nông nhàn,

Chính quyền địa phương tuy đã quan tâm đến công tác PCTT nhưng nhiều khi chưa sâu sát, chưa phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, nhận thức về PCTT của một số cán bộ Xã, Bản chưa đầy đủ, cho đây là công việc của cấp trên.

Chị em phụ nữ còn phụ thuộc kinh tế, thiếu kiến thức về rủi ro thiên tai, ít tham gia vào các hoạt động xã hội.

2.2.2 Sản xuất, kinh doanh:

- Trên **35** ha lúa, **18** ha rau màu nằm ở vùng trũng gần sông suối dễ bị ngập lụt, ngập úng dễ bị mất mùa, giảm năng suất khi có rét hại, nắng nóng. có **21** ha diện tích ao cá là những ao hồ ven suối, cá có nguy cơ bị trôi, bị chết rét.

- Đàn gia súc **10.862** con, gia cầm các loại **54.420** con tiêm phòng chưa đầy đủ, chuồng trại chưa đảm bảo, có một số hộ vẫn còn thả rông nên dễ bị chết rét, cũng có thể bị dịch bệnh do chuồng trại không đảm bảo, ô nhiễm môi trường

- Ngành nghề chủ yếu của người dân là trồng lúa, trồng ngô, trồng màu, phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, nên dễ bị ảnh hưởng sâu bệnh, năng suất thấp.

- Diện tích ngô và cây ăn quả nhỏ lẻ chưa có đầu ra cho sản phẩm, thường bị tư thương ép giá nên thu nhập thấp, đời sống người dân còn khó khăn.

- Phương tiện sản xuất còn thiếu, thô sơ, **85%** hộ dân vẫn sử dụng sức kéo trâu bò. Do địa hình đồi dốc cao.

- Nhiều diện tích đất sản xuất ở ven suối thường bị ngập lụt gây sạt lở đất dễ bị mất đất sản xuất. Địa hình của xã chủ yếu là đồi núi nên thiếu đất sản xuất, người dân phải đi làm thuê vì cón nhiều ngày nông nhàn.

- **85%** hộ gia đình Chăn nuôi gia súc nhỏ lẻ, gia cầm còn thả rông, chuồng trại chưa đảm bảo:

- Người dân thiếu kiến thức về chăn nuôi, sản xuất, ý thức về chăm sóc, vệ sinh cho gia súc chưa cao, một số hộ còn thả rông trâu bò.

- Dịch vụ kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ thiếu hàng, thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm, giá cả không ổn định, bị tư thương ép giá.

2.2.3. Sức khỏe, vệ sinh môi trường:

- Do vị trí nằm ở thượng hạ lưu suối Vạt, suối Hịt thường xuyên bị ngập lụt, mùa mưa lũ đất, đá, từ đầu nguồn đổ về. Mà xã chưa có khu rác thải tập trung, người dân còn vứt rác bừa bãi. Xác gia súc, gia cầm chết trong lũ lụt chưa thu gom kịp thời; có **80%** hộ chưa có nhà vệ sinh kiên cố nên nguy cơ ô nhiễm môi trường.

- Người dân vẫn thả rông trâu bò và gia súc, gia cầm. **50%** người dân sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ, thuốc bảo vệ thực vật không theo quy định, vứt bao bì bị nhiễm hóa chất bừa bãi, nên có nguy cơ bị ô nhiễm nguồn nước sinh

hoạt ở đầu nguồn (trên đầu nguồn dẫn về) khi có thiên tai xảy ra gây xói lở, sạt lở đất làm vùi lấp, hư hỏng hệ thống đường ống dẫn nước nên thiếu nước sinh hoạt; dẫn đến nhiều bệnh tật như bệnh đau mắt đỏ, bệnh ngoài da, bệnh Phụ khoa ở phụ nữ.

- Có **555** người già, **2.005** trẻ em dễ bị mắc các loại bệnh khi mùa đông đến.

- Trạm y tế chưa đạt chuẩn, y tế bản chưa được đào tạo bài bản, chưa được tập huấn thường xuyên. Có **05%** hộ dân chưa quan tâm đến sức khỏe bản thân, không đi khám sức khỏe theo định kỳ.

3. Thông tin đánh giá về năng lực phòng chống thiên tai (PCTT)

3.1. Nhận xét chung:

Với địa hình phức tạp, đồi núi cao chia cắt, thường xuyên có các thiên tai xảy ra nhưng cán bộ và nhân dân xã Chiềng Đông đã nỗ lực cố gắng để phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả để hạn chế thấp nhất thiệt hại do các loại thiên tai gây ra, vì hàng năm UBND xã đã kiện toàn Ban chỉ huy PCTT&TKCN gồm **38** người; đội thanh niên xung kích xã với số lượng **15** người, lực lượng cứu hộ cứu nạn **155** người. Chính quyền địa phương quan tâm đến công tác PCTT, hàng năm có lập kế hoạch và phương án PCTT.

Sau mỗi lần thiên tai, Ban chỉ huy thực hiện nghiêm việc đánh giá thiệt hại, đánh giá nhu cầu và rút ra bài học kinh nghiệm, đồng thời có biện pháp khắc phục, báo cáo cấp trên kịp thời..

3.2. Năng lực phòng chống thiên tai của toàn xã:

3.2.1 An toàn cộng đồng:

*** Vật chất:**

- Có **20 %** nhà kiên cố, các nhà UBND xã, trạm y tế, **04** trường học và **10** nhà văn hoá là điểm trú an toàn khi có thiên tai xảy ra

- Có **3.754,3** ha rừng phòng hộ, **14** bản, đã có đường dẫn đến nơi trú ẩn an toàn.

- Có một số hộ gia đình đang hoạt động trong xã có các phương tiện ô tô, máy xúc, ... có thể huy động để thực hiện công tác PCTT.

*** Tổ chức xã hội:**

Xã thành lập Ban chỉ huy PCTT để chỉ đạo ứng phó kịp thời khi có thiên tai xảy ra, đội xung kích xã nhiệt tình có sức khỏe ứng phó kịp thời khi thiên tai xảy ra với số lượng **15** người (05 nữ), tại **14/14** bản, tiểu khu; lực lượng cứu hộ, cứu nạn **155** người, lực lượng dự bị động viên **186** người, lực lượng dân quân **112** người năng động nhiệt tình, dễ huy động, tiếp cận nhanh khi có thiên tai, các tổ chức đoàn thể khác cũng rất quan tâm trong công tác PCTT- TKCN.

*** Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:**

Người dân đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong công tác PCTT, bảo vệ môi trường. Biết sử dụng gio thếp để xếp đá, trồng cây tre và một số loại cây khác chống sạt lở.

3.2.2 Sản xuất, kinh doanh:

*** Vật chất:**

- Xã có lực lượng lao động đông, có hệ thống đường giao thông liên bản từ UBND xã đến tất các bản. Có cán bộ thú y bản để điều trị, tiêm phòng cho gia súc, gia cầm.

- Có 4 phai đập kiên cố, có 46,8 km kênh mương, đã kiên cố được 18,4 m đạt 39,31 %.

- 315 nhà kiên cố; 04 trường học kiên cố, có 12 bản có nhà kiên cố; 02 cầu kiên cố,

*** Tổ chức xã hội:**

Công tác tuyên truyền cho người dân về kiến thức chống rét cho gia súc, gia cầm, tiêm phòng, cho gia súc, gia cầm được các tổ chức xã hội quan tâm thực hiện. Đặc biệt Hội phụ nữ luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cách phòng bệnh, đảm bảo đủ ấm cho người già, trẻ em trong mùa Đông.

*** Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:**

Người dân tại địa phương biết cách phủ ni lông che phủ cho mạ, rau màu để bảo vệ cây trồng, biết cách che chắn chuồng trại cho gia súc, gia cầm; chủ động dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm trong mùa Đông; chủ động phủ rơm, thả bèo.. cho ao nuôi cá.

3.2.3 Sức khỏe, vệ sinh môi trường:

*** Vật chất:**

Có trạm y tế xã tuy chưa đạt chuẩn quốc gia, nhưng với đội ngũ y, bác sỹ có 07 người nên trạm y tế đã đảm bảo việc khám và điều trị bệnh cho nhân dân, và có đội ngũ y tế thôn bản 14 /14 bản.

*** Tổ chức xã hội:**

Chính quyền và các tổ chức xã hội đã chủ động, tổ chức một số các hoạt động thiết thực cho người dân: Hội PN, dân số, y tế phối hợp tổ chức khám sức khỏe cho chị em phụ nữ, tổ chức khám định kỳ cho người dân; 95% người dân có BHYT, bên cạnh đó, chính quyền đã tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh, công tác vệ sinh môi trường, chuẩn bị các chất khử trùng và phun tiêu độc. Các tổ chức đoàn thể phối hợp với nhà trường dọn vệ sinh sau lũ, nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.

*** Nhận thức kinh nghiệm, thái độ, động cơ:**

Một số người dân chủ động đến trạm y tế kịp thời khi bị bệnh, biết chăm sóc sức khỏe, phụ nữ có thai, trẻ em được tiêm chủng đầy đủ, nhiều hộ gia đình biết cách giữ gìn vệ sinh chung và tham gia dọn dẹp vệ sinh đường làng ngõ xóm định kỳ theo quy ước của bản.

4. Phân tích rủi ro thiên tai

4.1. Tổng hợp rủi ro thiên tai:

*** Nhận xét chung:**

Địa bàn xã Chiềng Đông thường xuyên có 5 loại thiên tai như: Lũ quét, sạt lở đất, rét hại, lốc xoáy, mưa đá thường xuyên xảy ra và do tác động của biến đổi khí hậu nên thiên tai ngày càng khắc nghiệt hơn, khó dự đoán, cùng với tình trạng dễ bị tổn thương trên địa bàn xã còn nhiều. Qua đánh giá người dân đã xác định được các rủi ro cơ bản và xếp hạng theo 3 tiêu chí: “ *Mức độ nghiêm trọng; Thường xuyên xảy ra; Phạm vi rộng*” nên đã đưa ra bảng xếp hạng như sau:

*** Những rủi ro thiên tai đã xếp hạng:**

1. Hệ thống giao thông bị sạt lở, ách tắc, chia cắt
2. Ngô, lúa, hoa màu mất mùa, giảm năng suất
3. Thiếu ăn vào giáp hạt
4. Ô nhiễm môi trường
5. Kênh mương nội đồng hư hỏng, vùi lấp
6. Nguy cơ nhà ở, chuồng trại hư hỏng, vùi lấp
7. Thiếu nước sạch
8. Gia súc, gia cầm chết, bị dịch bệnh
9. Nguy cơ người chết và bị thương
10. Nguy cơ bị bệnh ở người già, trẻ em

*** Những rủi ro được người dân trong xã Chiềng Đông quan tâm nhất đó là:**

1. Hệ thống giao thông bị sạt lở, ách tắc, chia cắt
2. Ngô, lúa, hoa màu mất mùa, giảm năng suất
3. Thiếu ăn vào giáp hạt
4. Ô nhiễm môi trường
5. Kênh mương nội đồng hư hỏng, vùi lấp

4.2.Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân:

Qua đánh giá RRTT của đại diện người dân ở 8 bản, của cán bộ UBND xã và 3 nhóm đặc thù (người già, người khuyết tật, phụ nữ nghèo, phụ nữ đơn thân và 01 trường học) cho thấy:

- Nhận thức của cộng đồng về rủi ro thiên tai và BĐKH còn thấp, còn nhiều ý kiến khác nhau;

- Người dân chưa hiểu hoặc hiểu rất hạn chế về thiên tai liên quan đến BĐKH; có một số kinh nghiệm dân gian về phòng tránh thiên tai nhưng còn rất ít, đặc biệt là áp dụng các kinh nghiệm dân gian đó trong điều kiện thích ứng BĐKH có lúc chưa phù hợp;

- Ý thức của một bộ phận người dân trong phòng tránh thiên tai chưa cao, còn chủ quan, lơ là, xem nhẹ, ỷ lại... không tuân thủ nghiêm các quy định sơ tán, di dời khi thiên tai xảy ra.

5. Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai:

Từ các rủi ro thiên tai ưu tiên được xác định, nhóm đánh giá đã cùng với đại diện người dân của 8 Bản thực hiện các công cụ phân tích nguyên nhân của 5 rủi ro thiên tai : Ô nhiễm môi trường; thủy lợi, kênh mương thủy lợi, bị ngập, sập và hư hỏng; Ngô, lúa, hoa màu mất mùa và giảm năng suất, 8 km đường giao thông liên thôn bị hư hỏng, vùi lấp; Gia súc gia cầm bị chết, bị dịch bệnh; để phân tích tìm ra được các nguyên nhân từ đó cùng người dân xác định các giải pháp cơ bản theo 3 tiêu chí “*Tính cấp thiết; Tính khả thi; Khả năng huy động nguồn lực để thực hiện*” nên đã xếp hạng các giải pháp như sau:

1. Đầu tư sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh mương
2. Đầu tư xây dựng, bê tông hóa đường giao thông
3. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT, VSMT, chăm sóc sức khỏe
4. Tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm ngô lúa hoa màu
5. Phát triển nghề truyền thống (dệt thổ cẩm cho phụ nữ)
6. Quy hoạch xây dựng bãi rác tập trung
7. Chuyển đổi giống cây trồng phù hợp. Trồng cây chuyên canh, tạo sản phẩm hàng hóa
8. Tạo việc làm, tăng thu nhập
9. Hàng năm củng cố đội quản lý mương phai và hỗ trợ kinh phí hoạt động
10. Đầu tư giống mới, phân bón, chăm sóc tốt
11. Có dịch vụ cung ứng giống, phân bón, thuốc đảm bảo chất lượng
12. Tập huấn chuyên gia KHKT về chăn nuôi và trồng trọt. Áp dụng khoa học kỹ thuật vào chăm sóc cây trồng
13. Đào tạo nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho Ban quản lý Bản, cán bộ xã và nâng cao trách nhiệm trong các hoạt động.
14. Lãnh đạo xã đối ngoại vận động nguồn lực, Vận động nhân dân không trông chờ quá nhiều vào sự hỗ trợ của Nhà nước để xây dựng nâng cấp kênh mương và đường giao thông
15. Giảm các khoản đóng góp và kinh phí cho con em đi học
16. Lập dự án sử dụng giống mới năng suất cao
17. Khảo sát, lập danh sách người cần được hỗ trợ chính xác
18. Quản lý duy tu công trình tại cộng đồng

Từ 05 giải pháp ưu tiên (giải pháp 1 đến 5), nhóm đánh giá thảo luận cùng với người dân của 10 bản và lãnh đạo các ban ngành địa phương để đưa ra các hoạt động cụ thể như sau:

T T	Giải pháp	Địa điểm, đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể thực hiện giải pháp	Tổ chức thực hiện	Thời gian dự kiến	Nguồn ngân sách dự kiến		
						Dân	Địa phương	Bên ngoài
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về PCTT, VSMT, chăm sóc sức khỏe	Người dân toàn xã	HĐ1: Tuyên truyền trực tiếp qua các cuộc họp của bản và các ban ngành đoàn thể.	BQL Bản và các ban ngành	Thường xuyên		100%	
			HĐ2: Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh của bản	Ban quản lý bản+ Văn hoá xã	Thường xuyên		100%	
			HĐ3: Tổ chức diễn tập hàng năm	UBND Xã	Trung hạn	20%	50%	30%
			HĐ4: Pa nô, áp phích, biển cảnh báo	UBND xã + BQLBản	Trung hạn		50%	50%
			HĐ5: Tổ chức văn nghệ	Các bản + Văn hoá xã	Trung hạn	70%	30%	
			HĐ6:Tổ chức các hoạt động và tập huấn cho học sinh và nhân dân	VH xã + trường học+Ban quản lý bản	Trung hạn		100%	
2	Quy hoạch và đầu tư xây dựng bãi rác thải, thu gom rác thải	Người dân toàn xã	HĐ1: Xác định địa điểm khu bãi rác thải	Lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể xã	Ngắn hạn		100%	
			HĐ2: Lập đề án xây dựng bãi rác	UBND và các ban ngành đoàn thể xã	Ngắn hạn		100%	
			HĐ3: Thành lập đội thu gom rác	UBND xã	Trung hạn		100%	
			HĐ4: Tuyên truyền vận động người dân thu gom rác thải	UBND xã	Thường xuyên		100%	
			HĐ5: Tiến hành xây dựng bãi rác	UBND xã	Dài hạn		50%	50%
			HĐ 6:Tiến hành thu gom, xử lý rác thải	Nhân dân	Thường xuyên	70%	30%	
			HĐ7: Quy định về quản lý và cơ chế, kinh phí hoạt động thu gom	UBND xã	Thường xuyên		100%	
3	Đầu tư xây dựng sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh mương (28km kênh mương, 60 đập nước tạm thời)	Người dân toàn xã	HĐ1: Khảo sát, đánh giá thực trạng hệ thống kênh mương + 60 đập nước	UBND xã + BQLBản	Thường xuyên		100%	
			HĐ2: Tổ chức nạo vét kênh mương	Cán bộ nông nghiệp xã, bản	Thường xuyên	100%		
			HĐ3: Lập đề án sửa chữa nâng cấp	UBND xã, cán bộ Thủy lợi	Trung hạn		100%	

			HĐ4: Vận động nguồn lực	UBND xã + Ban QLDA	Trung hạn		100 %	
			HĐ5: Thực hiện sửa chữa, nâng cấp.	Các bản	Trung hạn	30%	50%	20%
			HĐ6: Quản lý, sử dụng có hiệu quả	Các bản	Thường xuyên	100%		
			Hđ7: Kiểm tra, bảo vệ, bảo dưỡng thường xuyên	UBND xã + Ban QLDA	Thường xuyên		100 %	
4	Đầu tư xây dựng bê tông hóa hệ thống giao thông	Người dân toàn xã	HĐ1: Khảo sát, đánh giá thực trạng	Cán bộ giao thông + ban quản lý bản	Ngắn hạn		100 %	
			HĐ2: Lập đề án xây dựng	UBND xã	Ngắn hạn		100 %	
			HĐ3: Vận động nguồn lực	UBND xã	Trung hạn		100 %	
			HĐ4: Tiến hành triển khai xây dựng	UBND xã + Ban QLDA	Dài hạn	20%	30%	50%
			HĐ5: Giám sát xây dựng	Ban giám sát xã+ dân	Dài hạn		100 %	
			HĐ6: Nghiệm thu, quản lý, đưa vào sử dụng	Ban GS + thi công+ người dân	Ngắn hạn		100 %	
			HĐ 7: Duy tu bảo dưỡng thường xuyên	UBND xã + Ban QLDA	Dài hạn	50%	50%	
5	Tạo đầu ra sản phẩm (Ngô, lúa, hoa màu và cây ăn quả)	Người dân toàn xã	HĐ1: Đánh giá năng suất sản phẩm lúa, ngô, hoa màu	Cán bộ khuyến nông xã	Trung hạn		100 %	
			HĐ2 : Liên hệ với các doanh nghiệp	UBND xã + ban QL	Ngắn hạn		100 %	
			HĐ3: Thành lập HTX thu mua sản phẩm cho người dân	UBND xã + ban QLDA	Trung hạn		100 %	
			HĐ4: Vận động nhân dân nhập sản phẩm cho HTX	UBND xã + ban QLDA	Trung hạn		100 %	
			HĐ5: Hợp đồng giữa HTX và người dân để tiêu thụ sản phẩm, đầu tư giống, vốn	UBND xã + ban QLDA + Người dân	Trung hạn	20%	60%	40%
			HĐ6 : Xây dựng sân bãi, kho hàng hoá sản phẩm	HTX+ UBND xã	Trung hạn	30%	30%	40%

III. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả:

1. Tổ chức phòng ngừa:

a) Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai.

- Cấp ủy Đảng, chính quyền luôn luôn xác định nhiệm vụ phòng chống thiên tai là một nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành.

- Các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội phải xây dựng phương án lồng vào các nội dung hoạt động của tổ chức mình để vận động đoàn viên, hội viên tích cực thực hiện.

- Trường THCS đưa vào nội dung giảng dạy cho học sinh về phòng chống thiên tai, đặc biệt là các rủi ro thiên tai có thể xảy ra trong lũ quét như: Chết người, bị thương, các loại dịch bệnh như sốt xuất huyết, đau mắt đỏ

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể mở các lớp tập huấn nhằm nâng cao nhận thức phòng chống thiên tai cho cán bộ các cấp và nhân dân. Cụ thể: UBND xã thành lập Ban chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho Thường trực BCH phòng chống lụt bão của xã, Hội CTĐ xã xây dựng kế hoạch để mở các lớp tập huấn cho cán bộ từ xã đến các bản và cho đội xung kích cứu hộ, cứu nạn, các nhóm dễ bị tổn thương .

b) Tăng cường hệ thống thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền và giáo dục Luật phòng chống thiên tai tổ chức các cuộc thi, qua các hoạt động đội văn hóa, văn nghệ, các cuộc tìm hiểu về phòng chống thiên tai trong nhân dân và trong học sinh. Hàng năm giao cho tổ chức Đoàn thanh niên và liên đội trường học tổ chức từ 2-3 cuộc tuyên truyền bằng hình thức sân khấu hóa các nội dung liên quan đến phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai; Xây dựng tại mỗi bản 01 cụm pa nô tuyên truyền và cảnh báo thiên tai.

- Xây dựng hệ thống truyền thanh của xã để kịp thời tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các chương trình phát triển kinh tế của địa phương, đặc biệt cho công tác chỉ huy theo phương châm “4 tại chỗ” của ban chỉ huy phòng chống thiên tai.

c) Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai; rà soát, xác định khu vực nguy hiểm, có kế hoạch di dời dân cư ra khỏi vùng có rủi ro thiên tai cao.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch các khu dân cư đặc biệt là khu dân cư ở vùng nguy hiểm lên khu vực an toàn.

d) Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai. Quản lý tốt lực lượng xung kích, nắm chắc số lượng, tổ chức huấn luyện công tác PCTT- TKCN, đảm bảo chấp hành tốt lệnh điều động khi có tình huống xảy ra. Kiểm tra, rà soát mua sắm thêm các trang

thiết bị phục vụ cho công tác PCTT như: áo phao, máy phát điện, loa cầm tay, dụng cụ cấp cứu.... bằng nguồn lực sẵn có của địa phương và trong nhân dân, các nội dung này phải được bổ sung thay thế hàng năm trước mùa mưa lũ.

đ) Thực hiện tổng hợp các giải pháp: công trình và phi công trình (có hoạt động cụ thể chi tiết ở trên).

2. Xây dựng phương án ứng phó:

2.1. Phương án ứng phó thiên tai bao gồm một số nội dung chính sau đây:

a) Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm bao gồm:

- Sơ tán người, tài sản ra khỏi vùng nguy cơ ngập úng, sạt lở cao đến nơi an toàn như nhà Văn hóa, trường học, Trạm y tế...

- Kiểm tra những vùng nguy cơ cao bị ngập úng, sạt lở đất, phát hiện và có các biện pháp phòng, chống thiên tai; công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội như: Các cầu, phai, một số hộ dân sống ven suối vùng sạt lở và các đoạn đường giao thông dễ bị chia cắt.

- Bảo vệ các cầu, cống huyết mạnh như: Cống đường Thèn Luông, cống đường bản Nặm Ún, cống đường bản Huổi Pù và tuyến đường QL 6 - Bản Nôm, tuyến đường QL 6 – Bản Na Pản khi có lũ lớn xảy ra.

- Đoạn đường giao thông nguy cơ bị sạt lở như: Tuyến đường Na Pản – Huổi Siêu cần cắm biển báo và có đội bảo vệ canh gác không cho người dân đi lại khi có thiên tai xảy ra.

b) Phương án và địa điểm sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất:

Bản Na Pản: Do đặc thù địa hình dài chạy dọc theo hai bên dòng suối Vạt nên việc di dời lũ và đá lăn sạt lở cần sơ tán theo hướng về Nhà văn hóa bản.

Bản Đông Tấu: Là bản sống ở ven suối Vạt và vùng trũng (Khu Xiêng Đông) có 01 đường duy nhất vào bản, vì vậy khi có lũ ống, lũ quét dễ bị cô lập, chia cắt. Địa điểm sơ tán an toàn: Trường Tiểu học Chiềng Đông B và Trường trung học cơ sở.

Bản Luông Mé: Khi có thiên tai xảy ra, nhất là lũ ống, lũ quét: Địa điểm sơ tán về Nhà văn hóa bản và trụ sở UBND xã.

Bản Nặm Ún và Thèn Luông: Là bản sống chạy dọc suối Vạt và hai bên khe suối nhỏ có độ dốc lớn: Địa điểm sơ tán: chạy lên núi sau bản Nặm Ún và Nhà văn hóa bản Thèn Luông.

Bản Huổi Pù: Khi có thiên tai xảy ra: Địa điểm sơ tán chạy lên núi sau bản Huổi Pù giáp với xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn.

c) Đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc trong quá trình chỉ huy điều hành:

Giao cho Công an xã bố trí lực lượng công an viên chốt chặn, hướng dẫn người dân tại các vị trí xung yếu như: Khu trung tâm chợ, bản Na Pản, Đông Tấu.... đảm bảo an toàn cho người dân khi tham gia giao thông. Đồng thời công

an viên tại các bản phối hợp cùng lực lượng tại chỗ hỗ trợ nhân dân di dời đến nơi an toàn và bảo đảm an ninh trật tự tại các điểm trú tránh.

Phân công Thường trực BCH và văn phòng xã thường trực 24/24h để truyền đạt thông tin chỉ huy điều hành đến các bộ phận, các tiểu ban và các cụm điểm, đảm bảo thông tin xuyên suốt, kịp thời.

d) Phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 11/11/2014 về việc thành lập Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã Chiềng Đông năm 2014, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN xã năm 2014;

* Kế hoạch phân công nhiệm vụ:

- Ban Chỉ huy PCTT-TKCN xã, gồm 38 đồng chí do đ/c Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban, trụ sở đóng tại UBND xã.

- Đối với các tiểu ban: Chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ dưới sự chỉ đạo của Trưởng ban, Thường trực Ban Chỉ huy PCTT; chủ động xây dựng các phương án PCTT đối với từng bản và các cá nhân có phương tiện, chủ động lực lượng để huy động (theo từng mức cảnh báo) khi có tình huống thiên tai xảy ra.

+ *Tiểu ban lực lượng, phương tiện (03 đ/c)*: do Chỉ huy trưởng BCH Quân sự xã làm Trưởng tiểu ban và Trưởng ngành: Địa chính – Xây dựng, Tài chính – Ngân sách xã làm thành viên;

+ *Tiểu ban cứu hộ, cứu nạn (05 đ/c)*: do Trưởng Công an xã làm Trưởng tiểu ban và Trưởng, phó các ngành: ĐCXĐ-NLN, VHTTDL, Y tế,...

đ) Xác định nguồn nhân lực ứng phó thiên tai:

Huy động mọi nguồn lực sẵn có trong nhân dân. Khi có trường hợp khẩn cấp đề nghị cấp trên bổ sung thêm lực lượng để giúp địa phương ứng phó và khắc phục hậu quả sau thiên tai.

e) Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo phương châm: “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ): Giao cho tiểu ban hậu cần (Văn phòng UBND), tiểu ban phương tiện lực lượng (Ban CHQS xã) ký kết hợp đồng với các hàng quán bán lương thực, thực phẩm, xăng dầu, đèn pin... theo số lượng đã được nêu trong phương án. Hợp đồng với các chủ phương tiện vận tải để sẵn sàng cơ động ứng cứu, hỗ trợ nhân dân di dời và khắc phục hậu quả.

f) Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai.

h) Tổ chức thường trực, trực ban cập nhật thông tin diễn biến thiên tai; chuẩn bị địa điểm sơ tán; tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai.

2.2. Phương án ứng phó cho một số loại thiên tai cụ thể:

* Đối với lũ quét:

- Thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn đối với nhà cửa, công sở, trạm y tế, trường học, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng trên địa bàn xã.
- Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất.
- Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai; công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng.
- Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên suối và tuyến đường bị ngập, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do lũ quét hoặc các dòng chảy ven suối và khu vực nguy hiểm khác.
- Đảm bảo giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai.
- Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập nghiêm trọng và địa điểm sơ tán.
- Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.
- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

** Đối với rét hại:*

- Triển khai biện pháp chống rét cho người và gia súc, gia cầm, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương.
- Triển khai chống rét và đảm bảo nguồn thức ăn cho gia súc.
- Triển khai biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp. hướng dẫn nhân dân che mạ theo quy trình phủ ni lông và giữ nước tại chân ruộng đối với các diện tích lúa mới cấy.

3. Tổ chức khắc phục hậu quả:

3.1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân:

- Cấp cứu kịp thời người gặp nguy hiểm, tìm kiếm người, phương tiện mất tích (nếu có).
- Tiếp tục sơ tán người ra khỏi nơi nguy hiểm, ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương.
- Lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực có thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn.

- Xác định đối tượng cần được cứu trợ bao gồm cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết, hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực,

nước uống và nhu yếu phẩm khác có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng và sức khỏe, đặc biệt quan tâm tới đối tượng dễ bị tổn thương.

- Huy động người, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia cứu chữa người bị nạn.

- Dựng các lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà ở.

- Cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước sạch và nhu yếu phẩm thiết yếu.

3.2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu cần cứu trợ:

- Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả.

- Kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu khác để ổn định đời sống của người dân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai.

- Kiến nghị hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất.

- Tổ chức vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai.

- Lập kế hoạch và đề xuất sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện

1.1. Kiện toàn Ban chỉ huy PCTT - TKCN của xã với tổng số: 38 đ/c gồm có 14 trưởng ban, 5 hiệu trưởng nhà trường, 1 trạm trưởng y tế, còn lại là các ngành, tổ chức đoàn thể xã.

1.2. Phân công các thành viên phụ trách các khu vực, lĩnh vực:

Số TT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	ĐỊA BÀN PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH
1	Ông (bà): Chủ tịch UBND xã	Trưởng ban	Phụ trách chung
2	Ông (bà): Phó CT UBND xã	Phó ban Thường trực	Phụ trách lập kế hoạch
3	Ông (bà): Trưởng Công an xã	Phó ban chỉ huy PCTT-TKCN	Phụ trách Thèn Luông
4	Ông (bà): Chỉ huy trưởng BCHQS xã	Phó ban chỉ huy PCTT-TKCN	Phụ trách bản Chai
5	Ông (bà): Công chức Tài chính – kế	Thành viên	Đảm bảo kinh phí

6	toán Ông (bà): Công chức VP. HĐND-UBND	Thành viên	Trực văn phòng – Thư ký tổng hợp
7	Ông (bà): Công chức ĐCXĐ– NLN – GTTL	Thành viên	Phụ trách bản Púng Khoai
8	Ông (bà): Công chức ĐCXĐ-TNMT	Thành viên	Phụ trách bản Na Pán
9	Ông (bà): Công chức LĐ-TBXH	Thành viên	Phụ trách bản Luông Mé
10	Ông (bà): Chủ tịch UBMTTQ xã	Thành viên	Phụ trách bản Nặm Ún
11	Ông (bà): Chủ tịch Hội nông dân xã	Thành viên	Phụ trách bản Đông Tấu
12	Ông (bà): Chủ tịch Hội LHPN xã	Thành viên	Phụ trách bản Huổi Pù
13	Ông (bà): Chủ tịch Hội CCB xã	Thành viên	Phụ trách bản Chùm
14	Ông (bà): Bí thư Đoàn xã	Thành viên	Phụ trách bản Hượn
15	Ông (bà): Chủ tịch Hội CTĐ	Thành viên	Phụ trách bản Nhôm
16	Ông (bà): Công chức Tư pháp-Hộ tịch	Thành viên	Phụ trách bản Kéo Bó
17	Ông (bà): Công chức VH TTDL	Thành viên	Phụ trách bản Đông Tấu
18	Ông (bà): Công chức TK-KH	Thành viên	Phụ trách bản Huổi Siêu
19	Ông (bà): Trưởng trạm y tế xã	Thành viên	Đảm bảo về công tác y tế
20	Ông (bà): Hiệu trưởng trường THCS	Thành viên	Phụ trách trường THCS
21	Ông (bà): Hiệu trưởng trường THCS A	Thành viên	Phụ trách trường TH A
22	Ông (bà): Hiệu trưởng trường THCS B	Thành viên	Phụ trách trường TH B
23	Ông (bà): Hiệu trưởng trường MN BM	Thành viên	Phụ trách trường MNBM
24	Ông (bà): Hiệu trưởng trường MN VA	Thành viên	Phụ trách trường MNVA
25	Ông (bà): Trưởng 14 bản.	Thành viên	Phụ trách địa bàn mình

1.3. Tất cả các ban ngành, đoàn thể phải xây dựng kế hoạch của ngành mình và đoàn thể mình về công tác PCTT - TKCN, xây dựng phù hợp với thực tế của ngành mình khi có tình huống, thời tiết diễn biến xấu làm thiệt hại về người và tài sản, có thể huy động được ngay.

1.4. Các ban ngành, đoàn thể, Ban chỉ đạo PCTT - TKCN xã theo dõi thường xuyên nắm chắc tình hình địa bàn được phân công quản lý. Báo cáo kịp thời về Ban chỉ huy PCTT - TKCN xã và báo cáo Ban chỉ huy PCTT - TKCN huyện kịp thời khi có hiện tượng, hiểm họa hoặc thảm họa xảy ra trên địa bàn để đối phó được kịp thời, hạn chế thiệt hại xảy ra do mưa bão gây ra.

- Tiếp tục vận động các hộ gia đình nằm ở khu vực có nguy cơ sạt lở ra khỏi khu vực, ổn định lại sản xuất.

2.Xác định nguồn lực thực hiện

2.1. Công tác đảm bảo:

2.1.1 Đảm bảo thông tin liên lạc khi mưa bão, lũ xảy ra: Các bản, các đơn vị trên địa bàn báo cáo về xã, Ban chỉ huy PCTT - TKCN xã qua các số điện thoại:

- Văn phòng UBND xã: 022.6252896

Ông: Hoàng Văn Công – Công chức VP. HĐND-UBND – 01695.874.599

- Phòng Bí thư Đảng ủy: Ông: Hoàng Văn Quyết – 0226.285.928

- Chủ tịch UBND xã: Ông: Hoàng Văn Minh – 01666.620.491

- Phó Chủ tịch UBND xã: Ông: Lò Văn Khăm – 01679.996.487

- Trưởng Công an xã: Ông: Hoàng Văn Biên – 01694.034.208

- Chỉ huy trưởng BCH Quân sự xã: Ông: Hà Văn Lái – 01657.444.754

2.1.2. Đảm bảo cơ động:

- Mỗi một hộ gia đình ít nhất có 01 người tham gia cơ động, có cuốc, xẻng, xà beng và các phương tiện khác để tham gia ứng cứu kịp thời khi có tình huống xảy ra.

- Trong những ngày bão lụt (không thuộc giờ hành chính) phân công các thành viên trực ban và thanh toán chế độ làm thêm giờ theo quy định.

2.2. Nguồn lực thực hiện

- Cửa các hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn xã là lực lượng tại chỗ

- Các nguồn lực từ các tổ chức chính trị xã hội trong xã: lực lượng dân quân tự vệ, đội xung kích, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội chữ thập đỏ, Hội nông dân, UBMTTQ.

- Các nguồn vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm tại UBND xã và trong cộng đồng.

- Hệ thống thông tin, truyền thông công cộng tại 4 cụm bản

- Quỹ phòng, chống thiên tai trước đây thu nộp về huyện, hiện nay là xã vùng 3 không thu của người dân.

- Các nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân phải tổ chức vận động quyên góp khi cần thiết.

- Các nguồn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước hàng năm chưa được phân bổ thường xuyên, chỉ khi xảy ra thiệt hại mới được hỗ trợ.

3- Giám sát đánh giá:

- Hàng năm củng cố, kiện toàn nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng để lập kế hoạch giám sát và đánh giá có sự tham gia của người dân. Sau đó thông qua các ban ngành đoàn thể và lãnh đạo UBND xã để phê duyệt và thực hiện.

- Kinh phí cho hoạt động giám sát đánh giá được trích từ quỹ PCTT của xã.

- Định kỳ hàng, quý, 6 tháng, năm nhóm đánh giá, giám sát có trách nhiệm báo cáo kết quả đánh giá và tiến độ với Chủ tịch UBND xã và BCH – PCTT của xã.

4. Tổng kết báo cáo rút kinh nghiệm, cập nhật và chuẩn bị kế hoạch cho năm sau và những năm tiếp theo

- Tháng 3 hàng năm Nhóm kỹ thuật của xã cùng nhóm cộng đồng tổ chức đánh giá, xây dựng báo cáo đánh giá, lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các tổ chức, đoàn thể cấp xã về kết quả đánh giá, dự thảo kế hoạch PCTT để UBND xã phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch năm. Trong đó, chú trọng đánh giá hiệu quả thực hiện các giải pháp đã được đề xuất, chỉ rõ những hạn chế bất cập trong quá trình thực hiện nhằm xây dựng kế hoạch năm sau có tính sát thực và hiệu quả nhất.

- Những bài học kinh nghiệm đã được rút ra:

Từ những bài học kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo và phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiên tai cho thấy: công tác phòng, chống bão lụt cần thực hiện phương châm: "Chủ động phòng tránh, đối phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả" trong đó: Lấy phòng, tránh là chính trên cơ sở phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư.

- Trong chủ động phòng, tránh phải coi trọng công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về thiên tai.

- Trong ứng phó với thiên tai phải chú trọng "4 tại chỗ", trong đó phải phát huy sức mạnh nội lực và đặc thù của địa phương, đồng thời phải củng cố lực lượng cứu hộ, cứu nạn từ xã đến bản, xóm.

- Trong khắc phục hậu quả phải chú trọng tất cả các mặt: Cứu trợ khẩn cấp, khôi phục và tái thiết trên cơ sở sử dụng có hiệu quả đúng mục đích nguồn lực hỗ trợ về vật chất và tài chính; tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, các tổ chức Quốc tế, các cá nhân trong và ngoài nước, đồng thời phát huy vai trò của cộng đồng trong việc cứu chữa, giúp đỡ người bị nạn, ổn định đời sống, xử lý môi trường, phục hồi sản xuất.

Do đó công tác PCTT, (GNRRTT) cần tập trung đẩy mạnh hơn nữa để giảm bớt thiệt hại về người và tài sản của nhân dân cũng như của Nhà nước. Để làm tốt việc đó, ở tại các bản phải họp dân để tuyên truyền, vận động nhân dân tu sửa, chằng néo nhà cửa, chuẩn bị phao cứu sinh, lương thực, thực phẩm phục vụ gia đình ít nhất cũng phải đảm bảo trong một tuần, thời gian chuẩn bị phải xong trước lũ tiêu mẫn.

- Tuyên truyền cho tất cả mọi người dân nhận thức đầy đủ, chủ động và sẵn sàng đối phó kịp thời và khắc phục có hiệu quả khi có bão, lụt xảy ra.

- Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nâng cao sự lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền, cán bộ và nhân dân nhận thức đúng đắn về vai trò nhiệm vụ của công tác PCBL.

- Thường xuyên theo dõi thời tiết, chấp hành nghiêm các chỉ thị, kế hoạch, chỉ đạo của cấp trên.

Chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt (4 tại chỗ) sẵn sàng, kịp thời ứng phó với các tình huống xảy ra trên địa bàn toàn xã.

- Biểu dương, khen thưởng, kỷ luật (nếu có), nhân rộng các điển hình tiên tiến, tham khảo chia sẻ thông tin với các xã bạn và cộng đồng.
- Đề xuất kiến nghị với cấp có thẩm quyền giải quyết những việc còn tồn đọng.
- Góp ý cho cấp trên về những chỉ đạo điều hành chưa hợp lý trong công tác phòng, chống thiên tai.

C. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT:

Để thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống thiên tai, nhằm giảm nhẹ đến mức thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra cho người dân xã Chiềng Đông, trong thời gian tới cần tập trung những điểm chính sau đây:

1, Chính quyền và nhân dân các bản:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức cho người dân, để họ thật sự chủ động phòng ngừa ứng phó khi thiên tai xảy ra, đặc biệt theo phương châm 4 tại chỗ.

- Tăng cường công tác vận động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, không thả rông gia súc, thu gom rác thải, các loại bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng đúng quy định. Không sử dụng thuốc diệt cỏ ở các vùng đầu nguồn các công trình cấp nước sinh hoạt.

- Vận động người dân và kêu gọi sự hỗ trợ bên ngoài để mua sắm trang thiết bị cần thiết để sơ tán, cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai xảy ra.

- Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các nhóm, các tổ chức trong hoạt động PCTT và các hoạt động khác.

2, Cấp xã:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đặc biệt về Luật phòng chống thiên tai mới ban hành, các văn bản có liên quan và các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

- Thường xuyên kiện toàn và nâng cao năng lực cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng để tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác phòng chống thiên tai.

- Vận động sự đóng góp của người dân và kêu gọi sự hỗ trợ của cấp trên và các tổ chức để xây dựng hệ thống loa truyền thanh toàn xã nhằm phục vụ cho công tác tuyên truyền, thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo.

- Vận động nhân dân tích cực trồng rừng, lựa chọn giống cây trồng có giá trị kinh tế cao để tăng nguồn thu nhập.

- Sử dụng kết quả đánh giá rủi ro thiên tai trong việc xây dựng dự án, kế hoạch PCTT và lồng ghép kế hoạch PCTT vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Hàng năm thường xuyên đánh giá cập nhật thông tin để bổ sung vào kế hoạch phòng chống thiên tai.

3, Cấp huyện, tỉnh, Trung ương:

Có các biện pháp giúp cho người dân phòng chống thiên tai, ổn định đời sống phát triển kinh tế và hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra. Cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân xã Chiềng Đông, kính đề nghị các ban, ngành cấp huyện, tỉnh và Trung ương, các tổ chức Phi chính phủ quan tâm hỗ trợ kinh phí giải quyết các kiến nghị, đề xuất sau:

- Xây dựng Khu, bãi tập kết rác thải tập trung tại xã và các bản.
- Xây dựng hệ thống loa truyền thanh từ xã đến tận các bản. Tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực cho người dân.
- Kiên cố hóa hệ thống kênh mương nội đồng, sửa chữa nâng cấp các tuyến kênh đã xuống cấp hư hỏng.
- Nâng cấp, làm mới hệ thống kênh mương nội đồng cho các bản trên địa bàn xã.
- Nạo vét và làm nắp đậy tuyến kênh Na Pản dài hơn 874m.
- Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường giao thông trên địa bàn để thuận tiện cho việc đi lại cho nhân dân và không bị chia cắt khi có thiên tai xảy ra.
- Xây dựng mới 01 cầu cứng vào bản Hượu.
- Xây dựng và triển khai thực hiện đề án cây trồng hàng hóa có đầu ra cho sản phẩm.
- Tổ chức tập huấn cho đội cứu hộ, cứu nạn về kiến thức và trang bị những trang thiết bị phục vụ công tác PCTT như: (áo phao, nhà bạt, phao cứu sinh, dụng cụ sơ cấp cứu).
- Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Trên đây là kế hoạch của UBND xã Chiềng Đông về Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, giai đoạn **2014 – 2019./.**

Nơi nhận:

- BCĐ đề án 1002 TW, tỉnh, huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND- UBND xã;
- UBMTTQ xã;
- Ban PCTT xã;
- Lưu, VT, (X 01) PT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**